

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Chính trang đô thị (Tổ dân phố 1), thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Quy định một số nội dung về công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Yên Bái;

Xét báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Chính trang đô thị (Tổ dân phố 1), thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái số 182/BC-HĐTD ngày 14 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng thẩm định;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Chính trang đô thị (Tổ dân phố 1), thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo Văn bản số 176/QLDA-QLDA&PTĐT ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Lục Yên và hồ sơ chỉnh sửa kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 284/TTr-STNMT ngày 27 tháng 6 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Chính trang đô thị (Tổ dân phố 1), thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (*sau đây viết tắt là Dự án*) của Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (*sau đây viết tắt là Chủ dự án*) thực hiện tại

Tổ dân phố 1, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có các trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Lục Yên; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên; Giám đốc Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Lục Yên và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này/.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Phó Chủ tịch TT UBND tỉnh;
- Phó CVP (TH) UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Trung tâm ĐHTM tỉnh;
- Lưu: VT, TNMT, NLN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thế Phước



**QUYẾT ĐỊNH NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN CHỈNH TRANG ĐÔ THỊ (TỔ DÂN PHỐ 1), THỊ TRẤN YÊN THỂ,
HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI**

Quyết định số: *MS9/QĐ-UBND* ngày *04* tháng 7 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Chỉnh trang đô thị (Tổ dân phố 1), thị trấn Yên Thể, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- Địa điểm thực hiện dự án: Tổ dân phố 1, thị trấn Yên Thể, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- Chủ dự án: Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

1.2. Phạm vi, quy mô

- Phạm vi: Dự án được thực hiện san tạo mặt bằng và xây dựng hạ tầng kỹ thuật chỉnh trang đô thị tại khu vực Tổ dân phố 1, thị trấn Yên Thể, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái với diện tích khoảng 7.661,59 m².

- Quy mô dân số tối đa Dự án: 204 người.

- Tọa độ khu vực thực hiện dự án như sau:

Điểm	Tọa độ (VN2000, kinh tuyến trục 104°45', múi chiếu 3 ⁰)		Điểm	Tọa độ (VN2000, kinh tuyến trục 104°45', múi chiếu 3 ⁰)	
	X (m)	Y(m)		X (m)	Y(m)
A1	2445521.32	499944.64	B2	2445603.78	500078.72
A2	2445545.91	499938.98	B3	2445618.75	500083.22
A3	2445573.60	500070.27	B4	2445643.93	500100.81
A4	2445573.50	500081.31	B5	2445626.70	500125.38
A5	2445563.52	500126.49	B6	2445615.68	500120.41
A6	2445538.71	500120.63	B7	2445602.81	500160.41
A7	2445550.70	500068.33	B8	2445570.12	500151.83
B1	2445590.41	500082.18	B9	2445585.43	500090.38

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

a) Các hạng mục công trình chính

- San tạo tổng mặt bằng:

+ San tạo mặt bằng quỹ đất dân cư với diện tích 7.661,59 m², trong đó:
Diện tích đất bố trí dân cư: 6.563,92 m², đất hành lang công: 121,23 m², đất
chiếm dụng ta luy mặt bằng: 976,44 m²

+ Số lô đất dự kiến 51 lô.

- Hệ thống hạ tầng:



+ Mặt vỉa hè: Tổng diện tích vỉa hè các tuyến đường 1.111,51 m² được thiết kế lát gạch đá kích thước 30 cm x 30 cm, trên lớp vữa xi măng đê mê M100 dày H=2 cm và lớp bê tông móng M150, dày h=10 cm. Độ dốc ngang vỉa hè thiết kế i=1% dốc ra phía mặt đường.

+ Trồng cây xanh: Cây xanh trồng trên vỉa hè các tuyến đường để tạo bóng mát cho người đi bộ, sử dụng loại cây tiểu mộc, khoảng cách trồng trung bình 10m/cây. Hồ trồng cây có kích thước 1,2 m x 1,2 m, xây bo gốc cây xanh bằng gạch đặc vữa xi măng M100.

b) Các hạng mục công trình phụ trợ

- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước, rãnh dọc, bó vỉa, vỉa hè; hệ thống điện sinh hoạt; nước sinh hoạt; hệ thống xử lý nước thải và các hạng mục phụ trợ tại quỹ đất khu dân cư.

Các hoạt động của dự án gồm hoạt động thi công xây dựng, vận hành công trình (*quá trình sinh hoạt của các hộ dân cư trong khu vực và hoạt động của các phương tiện giao thông...*).

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án phải thực hiện chuyển đổi đất chuyên trồng lúa nước là 6.262,5 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động thu hồi, đền bù giải phóng mặt bằng.
- Phát quang thảm thực vật.
- Đào, đắp, san tạo mặt bằng.
- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu.
- Hoạt động của các máy móc, phương tiện thi công và sinh hoạt của cán bộ, công nhân trên công trường.
- Hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án.

Các hoạt động nêu trên phát sinh bụi, tiếng ồn, khí thải, nước thải, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

2.2. Trong giai đoạn hoạt động

- Hoạt động sinh hoạt của người dân trong khu vực dự án.
- Hoạt động của các phương tiện giao thông.
- Hoạt động duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng các hạng mục, công trình.
- Hoạt động thu gom nước thải về trạm xử lý nước thuộc dự án Chính trang đô thị, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Các hoạt động nêu trên phát sinh bụi, tiếng ồn, khí thải, nước thải, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.



Đảm bảo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

1. Nước thải, khí thải

a) Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Giai đoạn thi công xây dựng

+ Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân thi công trên công trường với lưu lượng 2,0 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là Nhu cầu oxy sinh học (BOD₅), Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃), dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO₄³⁻), tổng Coliforms.

+ Nước thải thi công xây dựng: Phát sinh từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công với lưu lượng 2,0 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng dầu mỡ khoáng.

+ Nước mưa chảy tràn: Phát sinh từ quá trình nước mưa rơi trên bề mặt công trường thi công xây dựng với lưu lượng phát sinh 123,29 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng dầu mỡ khoáng. Ngoài ra, nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn, đất đá,...

- Giai đoạn hoạt động:

+ Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của người dân tại dự án 21m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là nhu cầu oxy sinh học (BOD₅), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻), dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO₄³⁻), tổng Coliforms.

+ Nước mưa chảy tràn: Phát sinh trên bề của dự án với lưu lượng phát sinh 234 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là tổng chất rắn lơ lửng (TSS), bùn, đất đá,...

b) Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải

- Giai đoạn thi công xây dựng: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông và máy móc thi công; quá trình đào đắp, san nền, bốc xúc và vận chuyển đất đá thải, nguyên vật liệu; xây dựng các hạng mục công trình của dự án, ... Thành phần chủ yếu là bụi, CO, NO_x, SO₂...

- Giai đoạn hoạt động: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông, khí thải từ quá trình đun nấu... Thành phần chủ yếu là bụi, CO, NO_x, SO₂, bụi...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

a) Nguồn phát sinh, quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân trên công trường với tổng khối lượng phát sinh 18 kg/ngày.

+ Chất thải rắn xây dựng: Vật liệu xây dựng thải phát sinh từ quá trình thi công với tổng khối lượng 12,97 tấn/giai đoạn.

- Giai đoạn hoạt động: Chất thải rắn sinh hoạt: Từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của người dân với tổng khối lượng 184 kg/ngày.

b) Nguồn phát sinh, quy mô tính chất của chất thải nguy hại (CTNH)

- Giai đoạn thi công xây dựng: Phát sinh trong quá trình sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị thi công và sinh hoạt của công nhân tại công trường với tổng khối lượng phát sinh 0,025 tấn/giai đoạn. Thành phần chủ yếu là giẻ lau, găng tay; bóng đèn huỳnh quang thải; vỏ chai đựng dầu nhớt; ốc quy hỏng; các bộ phận hỏng của máy móc có dính dầu, mỡ;...

- Giai đoạn hoạt động: Phát sinh chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày sửa chữa thiết bị của người dân với tổng khối lượng phát sinh 0,33 tấn/năm. Thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải, pin, dầu mỡ thải; giẻ lau dính dầu,.....

3.3. Tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công xây dựng: Tiếng ồn, độ rung phát sinh chủ yếu từ các máy móc, thiết bị thi công xây dựng và hoạt động của phương tiện vận chuyển.

b) Giai đoạn hoạt động: Tiếng ồn, độ rung phát sinh chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt của người dân trong khu đô thị; các phương tiện, thiết bị, máy móc của người dân, khách vãng lai trong khu đô thị.

3.4. Các tác động môi trường khác và sự cố môi trường của dự án

- Chuyển đổi mục đích sử dụng đất: Dự án chuyển đổi 6.262,5 m² đất chuyên trồng lúa nước. Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất phục vụ cho dự án ảnh hưởng, tác động đến sinh kế, đời sống của các hộ dân có đất bị thu hồi.

- Nguy cơ sạt lở ta luy trong quá trình đánh đất san tạo mặt bằng của dự án.

- Các sự cố có thể xảy ra trong giai đoạn thi công và vận hành dự án: Sự cố do thiên tai (muru bão, lũ lụt); sự cố cháy nổ; vỡ, hỏng đường ống cấp, đường ống thu gom nước thải sinh hoạt...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

a) Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt: Chủ dự án bố trí 02 nhà vệ sinh di động, kích thước mỗi nhà vệ sinh di động là C x R x h = 1350 mm x 1896 mm x 2400 mm; dung tích bồn từ hoại 1000 lít; được làm từ vật liệu composite. Định kỳ thuê đơn vị có chức



để hút đem đi xử lý theo đúng quy định.

+ Nước mưa chảy tràn: Bố trí rãnh đào trần thoát nước chạy bao quanh khu vực của Dự án dài 400 m, kích thước 0,6 m x 0,6 m, trên tuyến rãnh bố trí các hố thu nước, khoảng cách trung bình 40 m/01 hố. Nước mưa sau thu gom, lắng cặn được thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực. Định kỳ sau mỗi đợt mưa đơn vị tiến hành nạo vét bùn đất trong rãnh thoát nước và hố thu.

- Giai đoạn hoạt động:

+ Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án được thu gom và xử lý như sau:

Từng hộ gia đình khi đến sinh sống phải đầu tư công trình xử lý nước thải tại chỗ (bể tự hoại 03 ngăn); toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt của dự án sau khi được xử lý sơ bộ khoảng 21 m³/ngày được thu gom, đầu nối về trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung thuộc Dự án Chính trang đô thị, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tổng công suất 120 m³/ngày đêm (gồm: Dự án Chính trang đô thị (tổ dân phố 1), thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên là 21 m³/ngày đêm; Dự án Chính trang đô thị, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái là 52 m³/ngày đêm và khu vực dân cư xung quanh 02 dự án là 20 m³/ngày đêm); hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt của dự án sử dụng ống tròn UPVC đi trên hè, có đường kính cống D200 với tổng chiều dài 294 m.

Thông số kỹ thuật trạm xử lý nước thải như sau:

TT	Thiết bị	Thông số kỹ thuật (dài x rộng x cao)	Đơn vị	Số lượng
1	Song chắn rác	0,11m x 0,11m		
2	Bể thu gom (kết hợp chắn rác)	1,5m x 1,5m x 3,5m = 6,5 m ³	Bể	01
3	Bể tách dầu mỡ	1,0 m x 2,0m x 1,0 m = 2 m ³	Bể	01
4	Bể điều hoà	4,5m x 1,5m x 3,5m = 23,6 m ³	Bể	01
5	Bể thiếu khí	3,5m x 1,5m x 3,5m = 18,4 m ³	Bể	01
6	Bể hiếu khí	3,5m x 1,5m x 3,5m = 18,4 m ³	Bể	01
7	Bể lắng sinh học	2,5m x 1,5m x 3,5m = 13,1 m ³	Bể	01
8	Bể khử trùng	2,5m x 1,2m x 3,5m = 10,5 m ³	Bể	01
9	Bể chứa bùn	1,5m x 1,5m x 3,5m = 7,9 m ³	Bể	01
10	Bể sự cố	4,0m x 3,0m x 3,5m = 42m ³	Bể	01

+ Nước mưa chảy tràn: Thiết kế hệ thống thoát nước mưa như sau: Hệ thống rãnh đầu vào hạ lưu cống bản 75 đường Khánh Hòa - Minh Xuân chảy vào thượng lưu cống bản 100 đường Hạ tầng cụm công nghiệp Yên Thế chiều dài rãnh L=45 m, đoạn thoát nước từ hạ lưu cống bản 100 ra hết phạm vi quỹ đất L=28,31 m, kết cấu khẩu độ thoát nước rãnh Bo=100 cm, tường, đáy rãnh bê tông xi



đường M200 dày 30 cm, thiết kế lắp đặt tấm đan đáy rãnh hoàn chỉnh, tấm đan đáy rãnh bằng bê tông cốt thép M250, dày 15 cm.

Đối với bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường tại khu vực thực hiện dự án như: Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho người lao động; vệ sinh phương tiện trước khi ra khỏi dự án (*tiến hành phun rửa tất cả các xe vận chuyển trước khi ra khỏi công trường*).

+ Các phương tiện vận chuyển (*nguyên vật liệu*) phải có bạt che phủ; sử dụng các phương tiện thi công, vận chuyển còn niên hạn sử dụng và được đăng kiểm theo quy định; kiểm định thường xuyên, bảo dưỡng định kỳ đối với các máy móc, thiết bị thi công, vận chuyển theo quy định; hạn chế sử dụng đồng thời nhiều máy móc, thiết bị thi công trong cùng một thời điểm.

+ Phun tưới nước trên mặt bằng khu vực có hoạt động thi công với tần suất tối thiểu 02 lần/ngày (*vào thời điểm thời tiết hanh khô*); bố trí công nhân vệ sinh trên công trường để thường xuyên quét dọn mặt bằng công trường, dọn dẹp đất cát rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển đổ thải; không tập trung phương tiện vận chuyển vào các thời điểm từ 6 giờ sáng, 12 giờ đến 13 giờ và sau 18 giờ chiều hàng ngày.

- Giai đoạn hoạt động:

+ Trồng cây xanh trên vỉa hè dọc theo các tuyến đường và trong khu vực dự án. Cây xanh có tác dụng giảm tiếng ồn, sóng âm, giữ lại bụi, điều hòa không khí cũng như tạo mỹ quan đẹp cho khu vực dự án.

+ Yêu cầu các phương tiện ra vào khu vực dự án tuân thủ các quy định.

+ Khí thải phát sinh do quá trình đun nấu của người dân sinh sống tại Dự án: Tuyên truyền, vận động, khuyến cáo các hộ dân hạn chế sử dụng bếp than, bếp tổ ong trong nấu ăn. Tuyệt đối không nấu ăn tại khu vực công cộng. Tuyên truyền với các hộ dân sinh sống trong dự án đảm bảo tuân thủ các yêu cầu về phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường.

+ Mùi phát sinh từ khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt: chất thải được vận chuyển đi xử lý tối thiểu 01 lần/ngày nên đã giảm thiểu tối đa mùi phát sinh trong quá trình lưu giữ.

+ Yêu cầu nồng độ bụi, khí thải khu vực dự án đạt QCVN 05:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại (CTNH)

a) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường



Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại công trường được thu gom, lưu giữ bằng 02 thùng rác có nắp đậy bằng composite, dung tích mỗi thùng 200 lít. Chất thải có thể tái chế được bán cho đơn vị thu mua phế liệu, phần chất thải không thể tái chế thì hợp đồng với Công ty Cổ phần nước sạch và môi trường Lục Yên định kỳ đến thu gom, xử lý.

+ Chất thải rắn xây dựng: Đối với gạch vỡ, cát, bê tông vỡ được thu gom tập kết tại khu tập kết chất thải xây dựng sử dụng bạt phủ sau đó tận dụng lại để cứng hoá bề mặt khu vực thi công xây dựng. Đối với các loại chất thải như sắt thép, giấy vụn, bìa carton, bao xi măng... bán tái chế cho đơn vị thu mua phế liệu.

- Giai đoạn hoạt động:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Tại các hộ gia đình tự bố trí các thùng đựng rác để thu gom, lưu giữ, phân loại chất thải rắn sinh hoạt. Các loại chất thải được phân loại tại nguồn trước khi đem đi thu gom xử lý. Rác được tập kết tại khu vực tập kết rác của dự án Chinh trang đô thị thị trấn Yên Thế (bố trí cạnh khu xử lý nước thải) để đơn vị vệ sinh môi trường trên địa bàn thị trấn thu gom, vận chuyển đi xử lý.

+ Chất thải rắn thông thường: Toàn bộ chất thải phát sinh từ hoạt động phát dọn, chăm sóc cây xanh, nạo vét rãnh nước, hồ thu được tận dụng bón vào các gốc cây trong diện tích cây xanh của dự án.

b) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải nguy hại của dự án được thu gom, phân loại và lưu trữ vào các thùng chứa đặt trong kho lưu giữ tạm thời CTNH 10 m²; có biển cảnh báo kho chứa CTNH; hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Giai đoạn vận hành: Các hộ gia đình thực hiện phân loại, thu gom, lưu giữ và xử lý theo đúng quy định, hướng dẫn của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Kiểm soát thời gian và các hoạt động xây dựng cơ bản trên công trường; sử dụng các thiết bị có mức ồn thấp; hạn chế vận hành đồng thời các thiết bị gây tiếng ồn, rung; bảo trì thiết bị trong suốt thời gian thi công; tắt những máy móc hoạt động gián đoạn trong trường hợp không cần thiết; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân thi công.

- Giai đoạn hoạt động: Lập nội quy ra/vào khu vực; bố trí các biển cảnh báo, hướng dẫn để người ra, vào khu vực dự án hạn chế bóp còi.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

a) Phương án giảm thiểu tác động do suy giảm diện tích đất trồng lúa

Dự án sử dụng khoảng 6.262,5 m² đất chuyên trồng lúa nước. Chủ đầu tư phải nộp tiền bảo vệ đất trồng lúa khi chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa nước sang mục đích phi nông nghiệp theo quy định tại Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa và Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

b) Giảm thiểu tác động đến chế độ thủy văn, ngập úng, sạt lở, bồi lắng

Thực hiện công tác giám sát các hoạt động thi công san nền, thi công đường giao thông, thi công hệ thống cống thoát nước; tăng cường cập nhật và theo dõi các diễn biến về thời tiết để tổ chức thi công phù hợp; hạn chế những ảnh hưởng từ thiên tai, các hạng mục công trình thi công đúng kỹ thuật và quy trình xây dựng; xây dựng phương án phòng chống mưa lũ, thiên tai trước mùa mưa bão; che chắn các bãi vật liệu đất đá để hạn chế bị nước mưa cuốn trôi; rãnh đào có bố trí các hố ga tại các khu vực như lán trại nhà điều hành, bãi tập kết để lắng cặn đất, đá, sỏi, cát... trước khi nước thải tiêu thoát vào môi trường xung quanh.

4.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a) Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

- Biện pháp phòng ngừa sự cố thiên tai: Bố trí lực lượng ứng trực phòng chống thiên tai lũ lụt trên công trường thi công để giám sát, kịp thời phát hiện các thiệt hại, rủi ro, sự cố do mưa bão gây ra, tìm hướng khắc phục. Giám sát, phối hợp với bên môi trường tổ chức khơi thông hệ thống thoát nước trong phạm vi tác động của dự án.

- Biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn lao động: Tất cả công nhân tham gia lao động trên công trường xây dựng đều được học tập về các quy định an toàn và vệ sinh lao động; các công nhân tham gia vận hành máy móc, thiết bị được huấn luyện và thực hành thao tác đúng cách, đúng quy trình. Biết cách giải quyết khi có sự cố xảy ra; thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì máy móc, thiết bị để đảm bảo an toàn khi vận hành; trang bị cho công nhân đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động như găng tay, khẩu trang, mũ bảo hiểm, dây thắt an toàn...

- Biện pháp phòng ngừa sự cố cháy nổ: Cấm hút thuốc tại công trường; công nhân trực tiếp làm việc tại công trường sẽ được tập huấn, hướng dẫn các phương pháp phòng chống cháy nổ; đầu tư các thiết bị phòng, chống cháy nổ tại các khu vực kho chứa nguyên vật liệu, nhiên liệu tại công trường; phải bố trí các phương tiện chữa cháy tại chỗ như bình chữa cháy cầm tay, xô, chậu để mức nước, cát, hệ thống ống phun nước...

- Biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn giao thông: Tránh vận chuyển nguyên vật liệu vào giờ cao điểm để giảm thiểu tối đa nguy cơ tai nạn giao thông; tuân thủ luật giao thông đường bộ, kiểm soát tốc độ vận chuyển của các xe máy móc trên công trường; đặt biển cảnh báo công trường (đoạn ra vào dự án).



ong trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn vận hành

Ứng phó sự cố cháy, nổ: Tuyên truyền, hướng dẫn về cách xử lý sự cố khi rò rỉ khí gas, phổ biến cho các hộ dân sinh sống trong khu vực; khuyến khích các hộ dân lắp đặt hệ thống cảnh báo rò rỉ khí gas; thực hiện đúng quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy.

- Ứng phó sự cố đối với đường ống thoát nước dẫn về trạm xử lý nước thải thuộc dự án Chính trang đô thị thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái: Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường ống thoát nước, tránh gây tắc nghẽn, ú đọng. Khi có sự cố xảy ra kịp thời thông tin cho đơn vị quản lý, vận hành và chính quyền địa phương để khắc phục, không để nước thải chưa xử lý chảy ra ngoài môi trường.

- Ứng phó sự cố công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung thuộc Dự án Chính trang đô thị thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái:

+ Phối hợp chặt chẽ với bộ phận quản lý, vận hành công trình xử lý nước thải tập trung của Dự án Chính trang đô thị thị trấn Yên Thế trong việc phối hợp vận hành hệ thống đường ống thu gom nước thải sinh hoạt và công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung

+ Khi có sự cố xảy ra cùng nhau phối hợp nhanh chóng tìm hiểu nguyên nhân sự cố và khắc phục kịp thời không để nước thải chưa xử lý ra ngoài môi trường. Nếu xảy ra sự cố sẽ lập tức khóa van xả, nhanh chóng tiến hành sửa chữa, khắc phục.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

a) Giám sát chất lượng môi trường không khí

- Vị trí giám sát (03 vị trí): khu vực tiếp giáp tuyến đường Khánh Hòa - Minh Xuân; khu vực tiếp giáp tuyến đường đường Hạ Tầng cụm công nghiệp Yên Thế; khu vực dân cư xung quanh dự án.

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, Bụi tổng TSP, SO₂, CO, NO₂, tiếng ồn, độ rung.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

b) Giám sát môi trường nước thải xây dựng



trình giám sát (04 vị trí): Mẫu nước thải sau mỗi hồ lắng sơ bộ.
 Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.
 Thông số giám sát: pH, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), nhu cầu oxy sinh học (BOD₅), nhu cầu oxy hóa học (COD), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻), Phosphat (PO₄³⁻), tổng dầu mỡ, coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B).

c) Giám sát môi trường nước mặt

- Vị trí giám sát (01 vị trí): Mẫu nước mặt tại suối Chuông, thôn Hin Lò, xã Yên Thắng, huyện Lục Yên.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

- Thông số giám sát: pH, nhiệt độ, BOD₅, TSS, NH₄⁺, NO₃⁻, Pb, Cd, Fe, As, PO₄³⁻, Cl, dầu mỡ tổng, Coliform.

- QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (cột B).

d) Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chỉ tiêu giám sát: Nguồn thải, thành phần, lượng thải, công tác thu gom, xử lý.

- Tần suất: Hằng ngày.

- Vị trí giám sát: Khu vực tập kết chất thải rắn chất thải nguy hại

đ) Giám sát sạt lở, bồi lắng

- Chỉ tiêu giám sát: Sự cố sạt lở, bồi lắng.

- Tần suất: Thường xuyên.

5.2. Giám sát giai đoạn vận hành thử nghiệm

a) Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thực hiện phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Định kỳ chuyển giao các loại chất thải phát sinh cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.3. Giám sát giai đoạn vận hành

- Thực hiện phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Định kỳ chuyển giao các loại chất thải phát sinh cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định



6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung theo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt; tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan, đặc biệt lưu ý tuân thủ các yêu cầu cụ thể sau:

6.1. Nếu dự án sử dụng đất đá thải từ Dự án Chinh trang đô thị, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên làm vật liệu đất đắp để san lấp tạo mặt bằng thì Dự án Chinh trang đô thị, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên phải đảm bảo thực hiện đầy đủ thủ tục pháp lý theo đúng quy định của Luật Khoáng sản và các quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp Dự án sử dụng nguồn đất đắp khác để làm vật liệu san lấp tạo mặt bằng dự án thì Chủ dự án phải thực hiện đầy đủ hồ sơ pháp lý đối với hoạt động khai thác, sử dụng vật liệu san lấp theo đúng quy định của Luật Khoáng sản trước khi triển khai xây dựng.

6.2. Sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng công trình, Chủ dự án thực hiện lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

6.3. Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho dự án, Chủ dự án thực hiện bàn giao công trình để quản lý khai thác, vận hành theo quy định. Đơn vị được giao quản lý vận hành có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung Giấy phép môi trường được cấp, đặc biệt là vận hành công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

6.4. Các hạng mục công trình của dự án, đặc biệt là công trình bảo vệ môi trường phải được thiết kế và xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng; Chủ dự án phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong suốt quá trình triển khai dự án.

6.5. Tổ chức thi công xây dựng theo đúng tọa độ, ranh giới, diện tích và thực hiện thi công theo công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

6.6. Thực hiện các biện pháp phòng, chống ô nhiễm nguồn nước, bảo vệ môi trường, cảnh quan, hệ sinh thái xung quanh khu vực.

6.7. Trong quá trình hoạt động của dự án, nếu để xảy ra sự cố ảnh hưởng đến chất lượng môi trường, Chủ dự án phải tổ chức kịp thời hoạt động ứng cứu, khắc phục sự cố, thông báo khẩn cấp cho chính quyền địa phương, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan để chỉ đạo và phối hợp xử lý. Chủ dự án cam kết đền bù thiệt hại, bồi thường và khắc phục ô nhiễm môi trường khi xảy ra sự cố có liên quan đến hoạt động của dự án.

6.8. Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác bị cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.



6.9. Thực hiện nghiêm Chương trình quản lý, giám sát, quan trắc môi trường như đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát môi trường và định kỳ báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6.10. Thực hiện các yêu cầu của cơ quan chức năng trong quá trình thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về môi trường đối với dự án.

6.11. Có trách nhiệm hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra thực hiện kế hoạch quản lý môi trường, việc triển khai các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến dự án khi được yêu cầu./.